

Số: 226/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 160/2020/HNST ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1986; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Kênh A, xã B, huyện B, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ cư trú: Số C Đường số D, phường Tân E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Hồ Duy T, sinh năm 1987; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G, tổ H, ấp Hòa K, xã Hòa I, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ cư trú: Không số, tổ M, Khu phố N, Phường Thạnh X, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn trễ hạn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/CNKH, quyền số 01/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 25/02/2015).

Vợ chồng chung sống được 03 (Ba) năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng là xuất phát từ vấn đề kinh tế, công việc của ông T không thuận lợi, không ổn định vì vậy vợ chồng thường xuyên chê trách, cãi vã nhau, cả hai nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, không có con chung nên cuộc sống hôn nhân tẻ nhạt. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N xác nhận không có con chung nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N xác nhận tài sản chung không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N xác định không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/CNKH, quyển số 01/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 25/02/2015).

1.2. Về con chung: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N xác nhận không có con chung.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N xác nhận tài sản chung và nợ chung không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0032370 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Hồ Duy T và bà Phạm Thị Thu N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thom);

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh